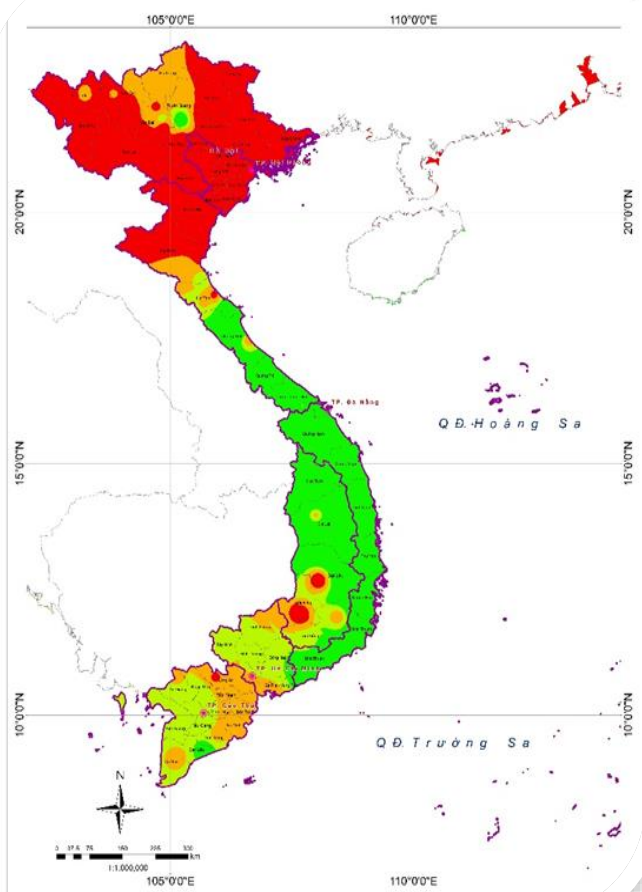




BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

(Số tháng 1/2025)



Phân bố điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn hán nông nghiệp trung bình tháng 12/2024



Khu vực nuôi tôm của người dân thôn Huỳnh Thượng, xã Vinh Sơn chìm trong nước lũ



Xâm nhập mặn ở các cánh đồng tại khu vực ĐBSCL

HÀ NỘI, THÁNG 1 NĂM 2025

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	1
GIỚI THIỆU CHUNG	2
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 12 NĂM 2024	3
1.1. Diễn biến điều kiện khí tượng và thời tiết bất lợi	3
1.2. Diễn biến sinh trưởng một số cây trồng chính và tình hình sâu bệnh hại	7
1.3. Tác động của điều kiện khí tượng đến trồng trọt và chăn nuôi	8
Phần II: DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 1 ĐẾN THÁNG 3 NĂM 2025	12
2.1. Tóm tắt dự báo khí hậu từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2025	12
2.2. Rủi ro của khí hậu đến trồng trọt và chăn nuôi	12
Phần III: KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THÁNG 1 ĐẾN THÁNG 3 NĂM 2025	19
3.1. Rủi ro tác động của khí hậu đến trồng trọt	19
3.2. Rủi ro tác động của khí hậu đến chăn nuôi	19
3.3. Khuyến nghị	19

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
ASI	Chỉ số căng thẳng cây trồng do thiếu nước (Agricultural Stress Index)
BTB	Bắc Trung Bộ
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐNB	Đông Nam Bộ
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
GMMH	Gió mùa mùa hè
KHNN	Khí hậu nông nghiệp
KTNN	Khí tượng nông nghiệp
NB	Nam Bộ
NĐTĐ	Nhiệt độ trung bình
Rx1day	Lượng mưa một ngày lớn nhất
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
SGN	Số giờ nắng
SVGH	Sinh vật gây hại
TBNN	Nhiệt độ trung bình nhiều năm
TCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
TDMNPB	Trung du và miền núi phía Bắc
THI	Chỉ số nhiệt ẩm (Temperature humidity index)
TLM	Tổng lượng mưa
TN	Tây Nguyên
TTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

GIỚI THIỆU CHUNG

Bản tin “**Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp**” được Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu xây dựng và xuất bản hàng tháng. Bản tin được cập nhật tại trang thông tin điện tử: <https://imh.ac.vn/category/hoat-dong-nghiep-vu/thong-bao-khi-tuong-nong-nghiep/>.

Các thông tin phục vụ xây dựng bản tin:

- (i) Thông tin về sinh trưởng cây trồng, tình hình sản xuất nông nghiệp và sinh vật gây hại: Cục Bảo vệ Thực vật và Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- (ii) Số liệu quan trắc: (i) Số liệu CLIM do Tổng cục Khí tượng Thủy văn cung cấp; (ii) Số liệu giám sát và cảnh báo hạn hán từ thông tin viễn thám của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
- (iii) Số liệu dự báo khí hậu: (i) Bản tin “Thông báo và dự báo khí hậu” của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; (ii) Bản tin dự báo khí hậu của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia.

Mọi ý kiến đóng góp, xin gửi về:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, số 23/62, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, TP, Hà Nội.

Điện thoại: 0914888185.

Email: ktnn407@gmail.com hoặc nguyenson.imh@gmail.com.

Phần I: DIỄN BIẾN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 12 NĂM 2024

1.1. Diễn biến điều kiện khí tượng và thời tiết bất lợi

a) Diễn biến điều kiện khí tượng

- **Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ):** NĐTĐ tháng 12/2024 phổ biến cao hơn TBNN từ 0,1 đến 3,0°C (Hình 1) và thấp hơn tháng 12/2023 từ 0,3 đến trên 2,4°C ngoại trừ một số khu vực ở TDMNBB, ĐBBB, BTB và khu vực TN có mức cao hơn tháng 12/2023 từ 0,1 – 1,7°C (Bảng 1); Từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024, hầu hết trên phạm vi cả nước đều có nhiệt độ thấp hơn TBNN. (Bảng 1), (Hình 1).
- **Tổng lượng mưa (TLM):** TLM tháng 12/2024 hầu hết các khu vực đều phổ biến thấp hơn TBNN từ 3-31mm và cao hơn TBNN ở một số khu vực Miền Trung, DHNTB, TN và NB từ 59-655mm; và phổ biến ở mức xấp xỉ tới thấp hơn tháng 12/2023 từ 31-384mm (Hình 1), (Bảng 1).
- **Tổng số giờ nắng (SGN):** SGN tháng 12/2024, cao hơn TBNN từ 8 đến 19 giờ ở khu vực TDMNBB; và thấp hơn TBNN từ 32 đến 157 giờ trên toàn bộ phạm vi cả nước. Từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024, SGN các tháng phổ biến ở mức thấp hơn TBNN, chỉ có một số khu vực tại TDMNBB, ĐBBB và BTB là cao hơn với khoảng từ 7 – 12 giờ.
- **Độ ẩm:** Độ ẩm tháng 12/2024 phổ biến xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN trên phạm vi cả nước từ 4-19% ngoại trừ một số khu vực Miền Trung, DHNTB, TN và NB cao hơn TBNN từ 1-10%.

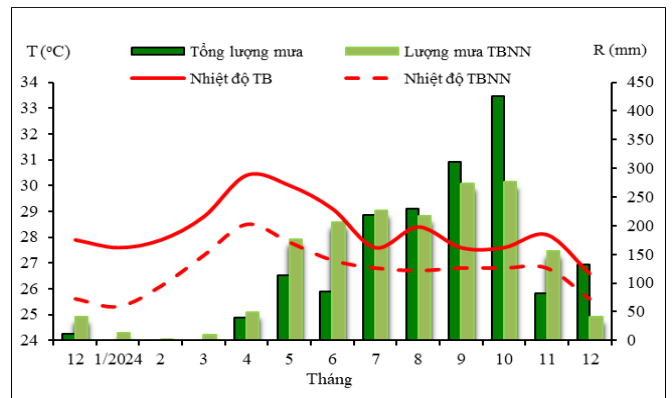
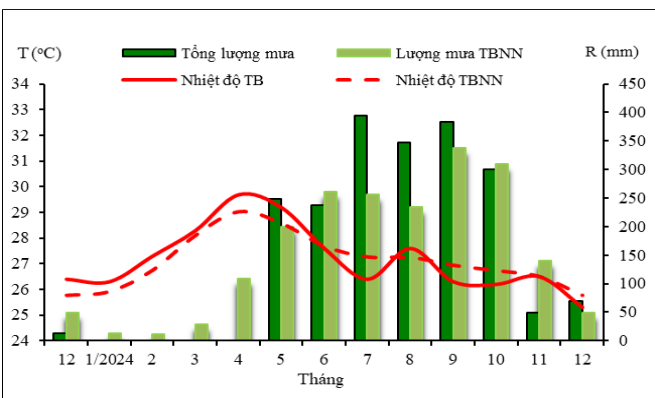
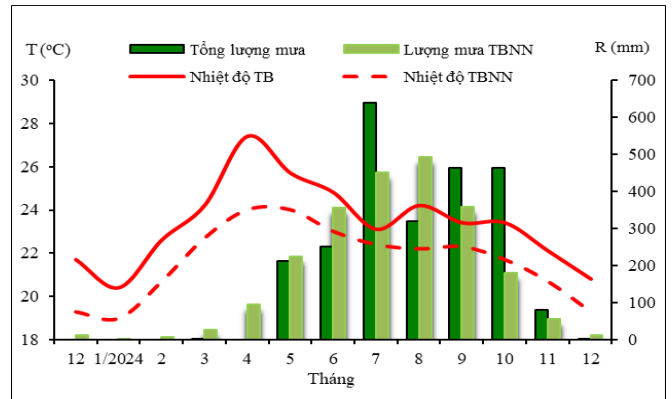
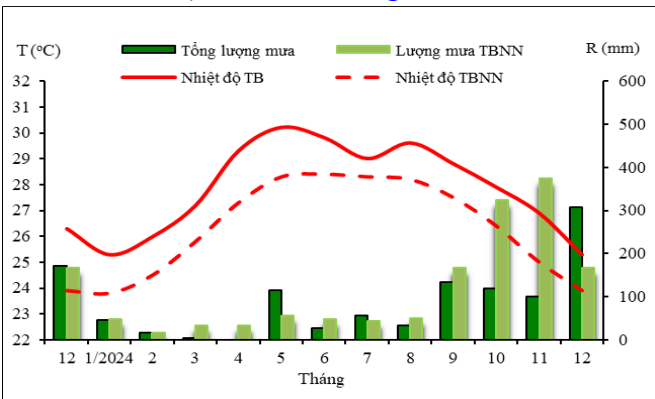
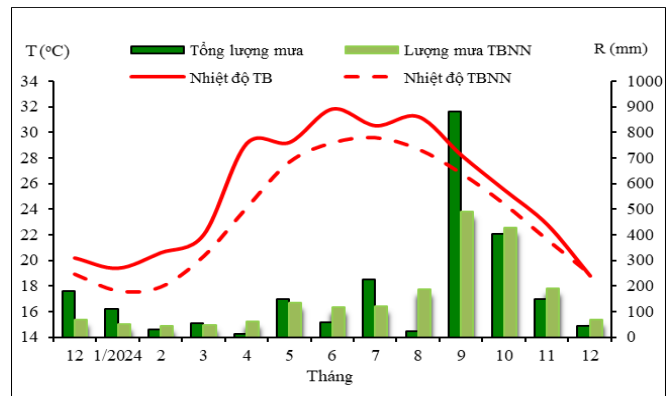
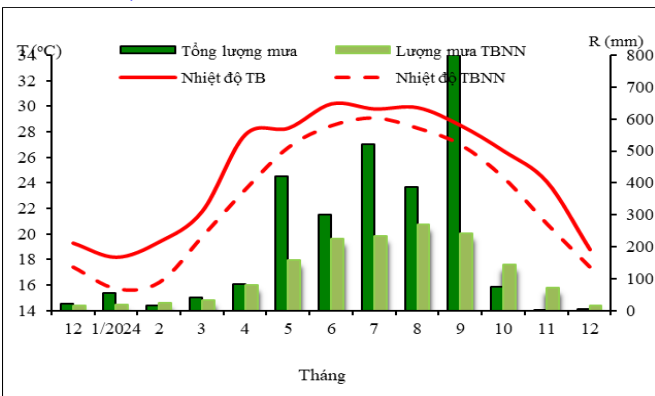
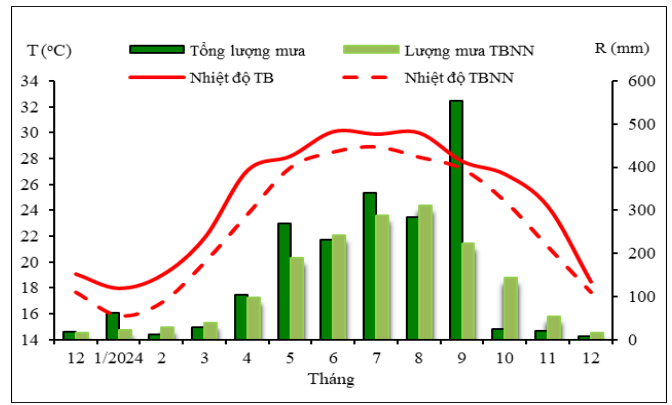
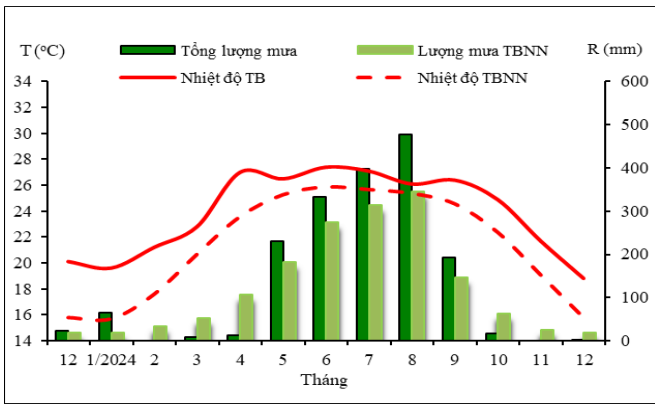
b) Cực đoan khí hậu và thời tiết bất lợi đến sản xuất nông nghiệp trong tháng 12/2024:

- **Nhiệt độ cao:** Trong tháng 12/2024, nhiệt độ tối cao tuyệt đối (TCTĐ) tại các vùng sinh thái nông nghiệp đều xấp xỉ thấp hơn TBNN và tháng 12/2023, ngoại trừ khu vực TDMNPB là cao hơn TBNN và tháng 12/2023 (Bảng 1).
- **Không khí lạnh:** Không khí lạnh đã bắt đầu xuất hiện tại khu vực TDMNBB, ĐBBB, BTB các vùng ảnh hưởng như Lai Châu, Sơn La và Sa Pa có nhiệt độ khoảng 1-6°C, và các khu vực ĐBBB, BTB có nhiệt độ giao động từ 10-14 °C (Hình 2).
- **Khô hạn:** Theo chỉ số hạn nông nghiệp trên phạm vi cả nước, tình trạng khô hạn và thiếu nước xảy ra tập chung ở khu vực TDMNPB, ĐBSH, BTB và một số vùng tại Tây Nguyên như Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng; ở một số khu vực Nam Bộ như Long An. (Hình 4).
- **Mưa lớn:** Lượng mưa một ngày lớn nhất trong tháng (Rx1day), trong tháng 12 lượng mưa khoảng 54-393mm (Hình 3). Một số khu vực có lượng mưa ngày lớn như Cam Ranh (467mm, ngày 11/12).
- **Sạt lở:** Xảy ra vào ngày 15/12 tại đèo Khánh Lê, tỉnh Lâm Đồng; ngày 28/12 xảy ra tại Hội An, tỉnh Quảng Nam;
- **Xâm nhập mặn:** Xảy ra ngày 25/12 độ mặn tại một số cống như Tân Dinh (0,10‰), cống Bông Bót (0,35‰), cống Rạch Rum (0,30‰), tỉnh Trà Vinh; Ngày 27/12 độ mặn cao nhất trên sông Cổ Chiên tại trạm Trà Vinh cách cửa sông 30km là 4,4 g/l; tại trạm Láng Thè cách cửa sông 35km là 3 g/l

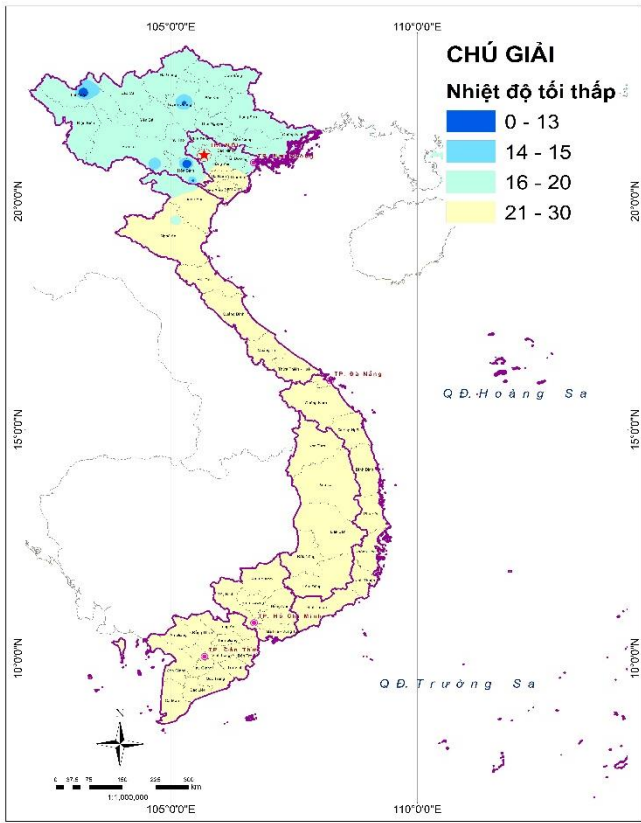
Bảng 1. Đặc trưng các yếu tố khí hậu trong tháng 12/2023 và tháng 12/2024 tại các vùng sinh thái nông nghiệp

Đặc trưng khí hậu		TDMNPB	ĐBSH	BTB	DHNTB	TN	ĐNB	ĐBSCL
NĐTB (°C)	12/2024	9,9 ÷ 19,6	18,4 ÷ 19,6	17,9 ÷ 20,7	20,8 ÷ 26,2	18 ÷ 23,9	25,2 ÷ 27,5	25,7 ÷ 27,1
	12/2023	11,6 ÷ 20,3	18,9 ÷ 19,9	18,7 ÷ 22,1	22,8 ÷ 27,3	17,6 ÷ 24,9	26,2 ÷ 29,2	26,2 ÷ 29,2
TCTĐ (°C)	12/2024	34,3	29	29,2	31,2	31,3	35,5	33,5
	12/2023	32,9	30,6	32	32,9	33	36,5	34,9
TTTĐ (°C)	12/2024	1,6	10,9	10,8	17,9	11	16,8	19,1
	12/2023	0,9	7,6	6	18,1	11,1	19,8	20,9
TLM (mm)	12/2024	0 ÷ 103	1 ÷ 10	3 ÷ 644	93 ÷ 1261	0 ÷ 675	8 ÷ 127	51 ÷ 183
	12/2023	0 ÷ 100	5 ÷ 34	8 ÷ 1006	41 ÷ 790	0 ÷ 385	6 ÷ 41	1 ÷ 54
SNM (ngày)	12/2024	0 ÷ 24	1 ÷ 7	2 ÷ 28	12 ÷ 30	0 ÷ 29	4 ÷ 12	10 ÷ 14
	12/2023	1 ÷ 15	3 ÷ 10	2 ÷ 25	2 ÷ 25	0 ÷ 25	1 ÷ 6	1 ÷ 8
SGN (giờ)	12/2024	18 ÷ 179	68 ÷ 93	23 ÷ 87	3 ÷ 95	4 ÷ 225	94 ÷ 155	96 ÷ 185
	12/2023	52 ÷ 188	79 ÷ 94	31 ÷ 107	47 ÷ 233	83 ÷ 282	179 ÷ 257	160 ÷ 244
Độ ẩm (%)	12/2024	58 ÷ 97	63 ÷ 78	76 ÷ 95	74 ÷ 98	75 ÷ 94	70 ÷ 83	75 ÷ 84
	12/2023	27 ÷ 89	70 ÷ 81	79 ÷ 94	77 ÷ 95	72 ÷ 91	69 ÷ 81	68 ÷ 81

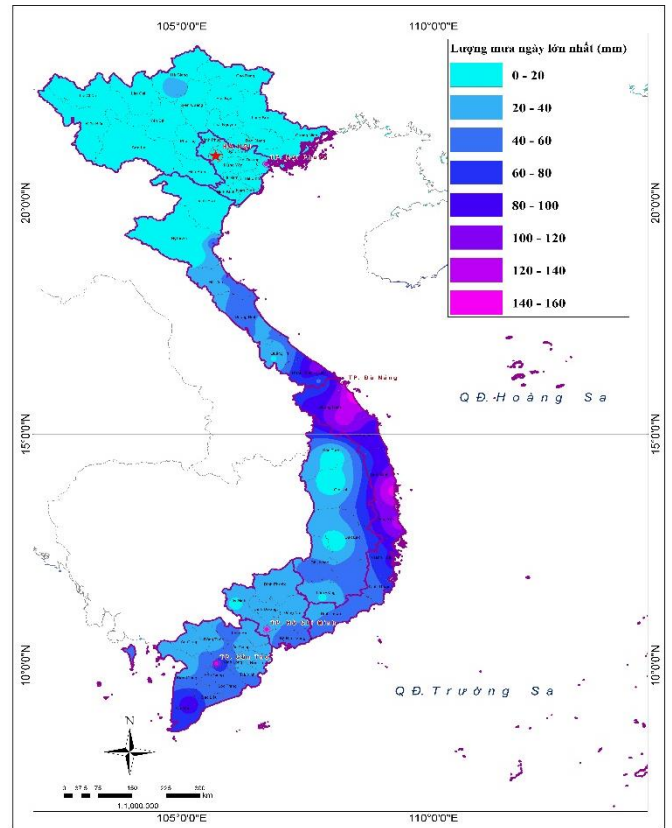
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 1/2025



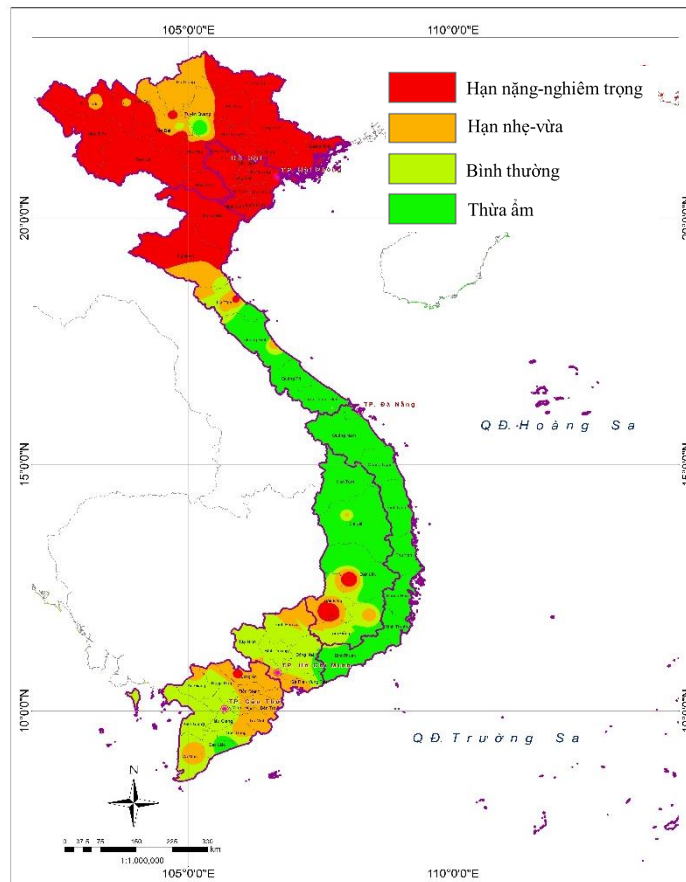
Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ tháng 12/2023 đến tháng 12/2024 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp



Hình 2. Phân bố nhiệt độ tối thấp (Tm) trong tháng 12/2024 (°C)



Hình 3. Phân bố lượng mưa một ngày lớn nhất (Rx1day) tháng 12/2024 (mm)



Hình 4. Phân bố điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp trung bình tháng 12/2024

1.2. Diễn biến sinh trưởng một số cây trồng chính và tình hình sâu bệnh hại

a. Tình hình sinh trưởng của một số cây trồng chính

Trong tháng 12, diễn biến sinh trưởng của một số loại cây trồng chính như sau:

Bảng 2. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng

Vùng sinh thái nông nghiệp	Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng
Trung du và miền núi phía Bắc	Lúa	Gieo-mũi chông
	Ngô	Phát triển bắp – thu hoạch
Đồng bằng sông Hồng	Lúa	Gieo-mũi chông
Bắc Trung Bộ	Lúa	Gieo - mũi chông
	Lạc	Phát triển củ - Thu hoạch
Duyên hải Nam Trung Bộ	Lúa	Mạ - Đẻ nhánh
	Thanh long	Chăm sóc - Thu hoạch
Tây Nguyên	Lúa	Thu hoạch xong
	Cà phê	Chín - Thu hoạch
Đông Nam Bộ	Lúa	Mạ - Đẻ nhánh
	Thanh long	Chăm sóc - Phát triển thân, lá
Đồng bằng sông Cửu Long	Lúa	Chín – Thu hoạch

(Nguồn: Cục Bảo vệ Thực vật, 12/2024)

b. Diễn biến tình hình sâu bệnh hại

- **Cây lúa:** Bệnh đạo ôn lá, diện tích nhiễm 9.892 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 1.554 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Cần Thơ, Kiên Giang, Long An, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Sóc Trăng...; Rầy hại lúa, diện tích nhiễm 2.901 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 550 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Đồng Nai, Tiền Giang, Đồng Tháp, ...; Bệnh bạc lá, diện tích nhiễm 5.198 ha, trong đó nhiễm nặng 01 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 741 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Trà Vinh, Long An, Tiền Giang...;
- **Ngô:** Sâu keo mùa thu xuất hiện nhiễm 338 ha, diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 309 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Giang, Yên Bái, Điện Biên, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Gia Lai, Đồng Nai...;
- **Thanh long:** Bệnh đốm nâu xuất hiện trên diện tích nhiễm 2.513 ha, trong đó nhiễm nặng 21 ha diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.820 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa - Vũng Tàu;
- **Cà phê:** Bệnh khô cành xuất hiện trên diện tích khoảng 7.368 ha, trong đó nhiễm nặng 55 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.436 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước...; Bệnh gỉ sắt xuất hiện trên diện tích khoảng 5.840 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước...

(Nguồn: Cục Bảo vệ Thực vật, 12/2024)

1.3. Tác động của điều kiện khí tượng đến trồng trọt và chăn nuôi

a. Tác động đến cây trồng

Tác động do khô hạn:

- Theo kết quả giám sát chỉ số căng thẳng nước (ASI), Trong tuần 1, tháng 12, một số khu vực Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Kiên Giang có khoảng 25-80% thời gian cây trồng thiếu hụt nước; sang tuần thứ 2 một số khu vực TP. Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cà Mau và Bạc Liêu có khoảng 20-80% thời gian cây trồng thiếu hụt nước; sang tuần 3 khu vực TP. Hồ Chí Minh và Tây Nam Bộ có khoảng 25% đến > 85% thời gian cây trồng thiếu hụt nước (Hình 5).
- Đối với cây lúa: Lượng mưa trong tháng 12 đều không đáp ứng nhu cầu nước cho cây lúa tại khu vực ĐBSCL hầu hết lượng mưa cũng không đáp ứng được nhu cầu nước cho cây lúa (nghiêm trọng nhất là khu vực trạm Mỹ Tho thiếu 104mm), chỉ có khu vực trạm Sóc Trăng và Cà Mau là đáp ứng đủ nhu cầu nước cho cây lúa (Bảng 3).

Tác động của dông lốc, mưa lớn:

- Theo Báo cáo nhanh của các tỉnh Quảng Bình, Quảng Ngãi, Khánh Hòa và Lâm Đồng, mưa lớn kèm theo dông, lốc ngày 15/12/2024 hàng nghìn m³ đất đá sạt lở gây ách tắc đèo Khánh Lê đoạn tỉnh Lâm Đồng khiến nhiều phương tiện và người dân bị mắc kẹt; ngày 20/12/2024 sau bão số 6, sóng biển lớn đã làm sạt lở bờ biển xã Thanh Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình), có 6 hồ tôm lớn của người dân đã bị sóng biển đánh tan hoang; và ngày 28/12/2024 đã gây thiệt hại 57 nhà bị ngập lụt, hư hỏng và hơn 1000ha lúa vụ đông xuân bị ngập (Quảng Ngãi).
- Mưa lớn gây thiệt hại khoảng 1.203ha diện tích đất lúa đã gieo sạ của người dân đã bị lũ lụt gây ngập úng tại Quảng Ngãi.

Tác động đến sâu dịch bệnh:

- Nền nhiệt độ cao và độ ẩm không khí về đêm lớn đã tạo điều kiện thuận lợi cho các loại sâu dịch bệnh phát triển, đặc biệt, bệnh rầy hại lúa và sâu cuốn lá nhỏ trên lúa ở khu vực phía Nam.

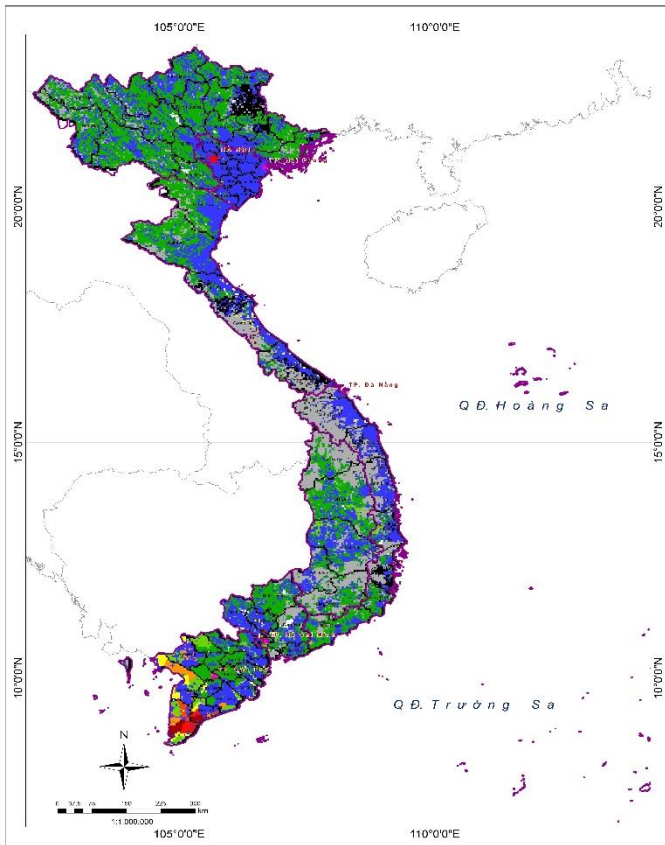
b. Tác động đến chăn nuôi

- Kết quả tính toán chỉ số THI (Hình 6) cho thấy, điều kiện nhiệt ẩm tác động đến khả năng hô hấp và tiêu thụ thức ăn, tăng nhịp tim của gia súc và gia cầm chỉ xuất hiện tại một số khu vực ở DHNTB như Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận và ở khu vực Nam Bộ.

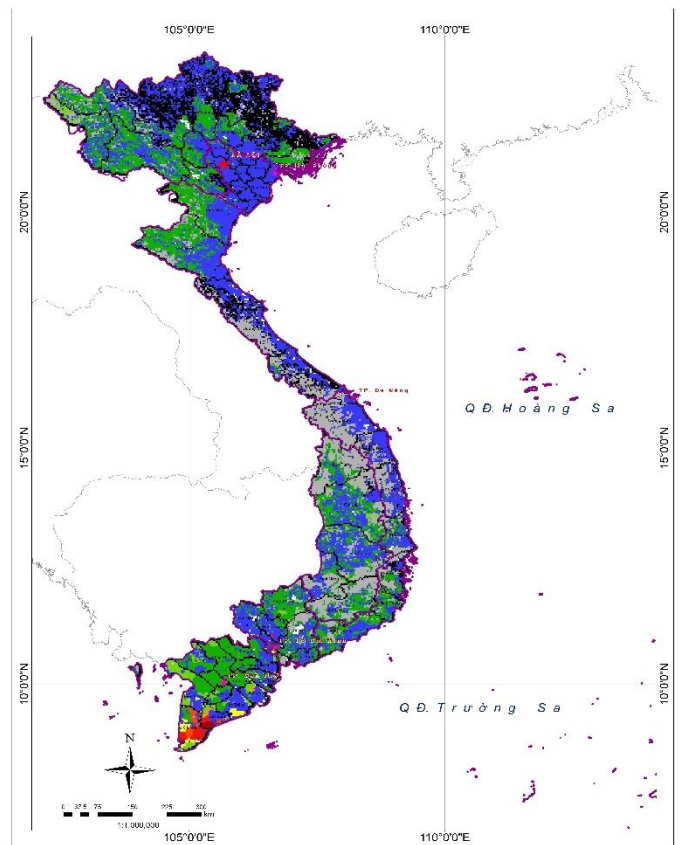
Bảng 3. Mức độ thiếu (-)/thừa (+) nước đối với cây lúa trong tháng 12/2024

Vùng	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa trong tháng 12/2024 (mm)	Lượng mưa thực tế trong tháng 12/2024 (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu trong tháng 12/2024 (mm)
Đồng bằng sông Hồng	Sơn Tây			
	Hà Đông			
	Hải Dương			
	Hưng Yên			
	Nam Định			
	Văn Lý			
	Nho Quan			
	Ninh Bình			
	Thái Bình			
Đồng bằng sông Cửu Long	Mộc Hóa	171.8	118	-53.8
	Mỹ Tho	155.1	51	-104.1
	Cao Lãnh	161.7	82	-79.7
	Càng Long	158.5	104	-54.5
	Châu Đốc	171.2	76	-95.2
	Cần Thơ	166.7	132	-34.6
	Sóc Trăng	160.4	183	22.6
	Rạch Giá	171.8	76	-95.8
	Bạc Liêu	161.0	133	-27.9
	Cà Mau	163.0	175	12.1

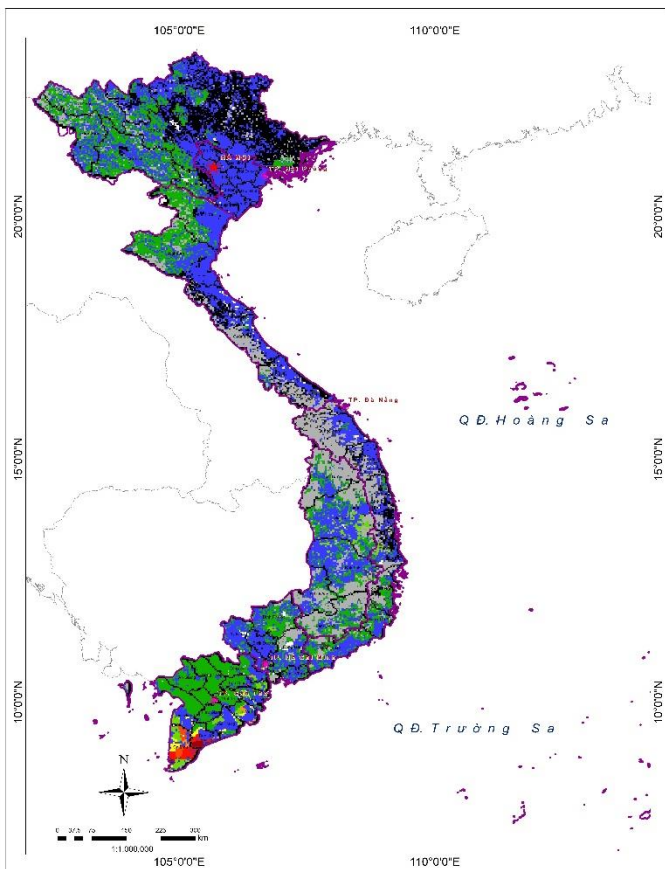
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 1/2025



Tuần 1 (từ ngày 1-10/11)



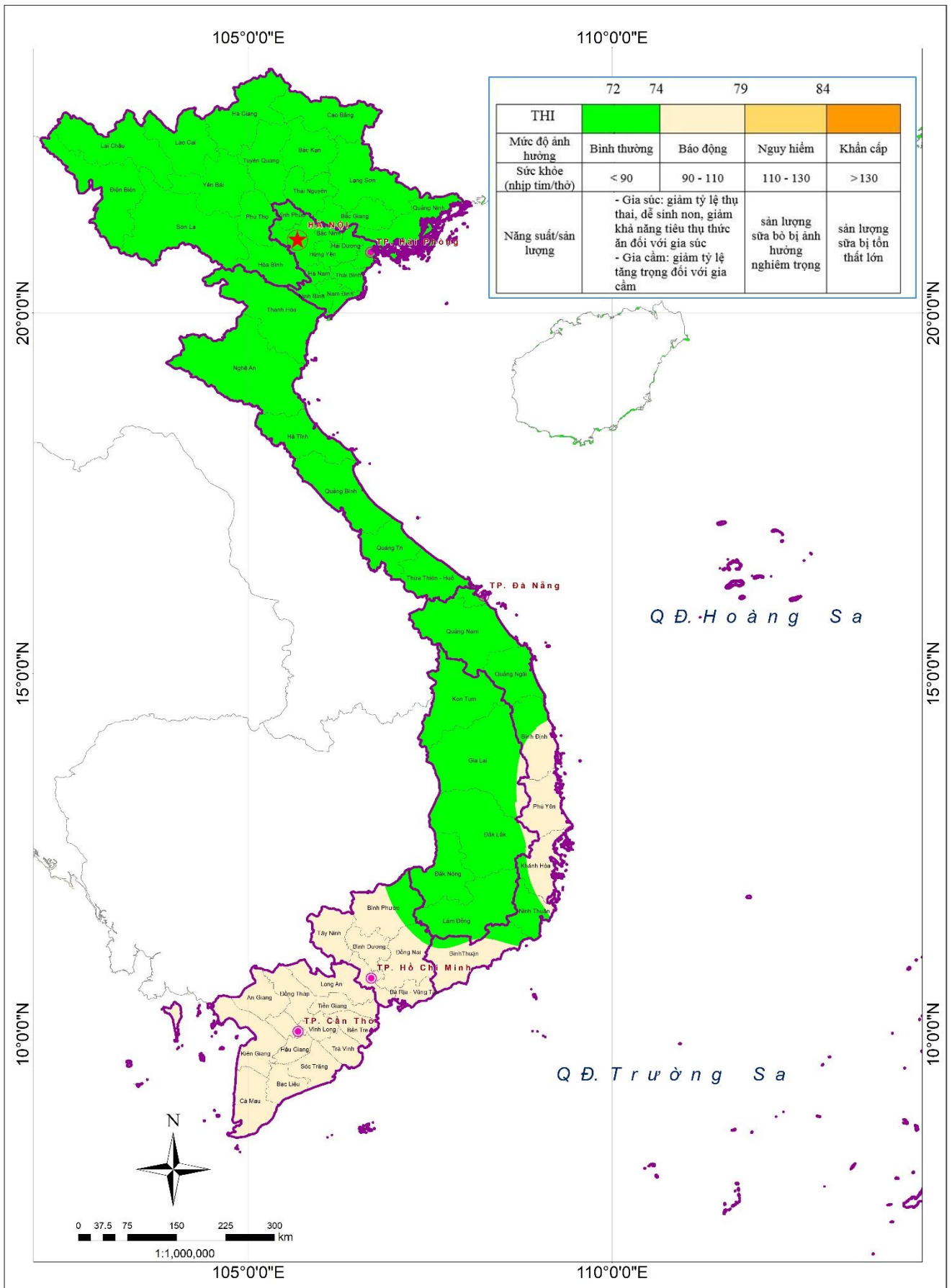
Tuần 2 (từ ngày 11-20/11)



Tuần 3 (từ ngày 21-30/11)



Hình 5. Tỷ lệ thời gian cây trồng bị ảnh hưởng do thiếu hụt nước trong tháng 12/2024 tính toán theo chỉ số ASI (Nguồn: FAO, <https://doi.org/10.1080/01431161.2015.1126378>)



Hình 6. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI)³ trung bình tháng 12/2024

Phần II: DỰ BÁO KHÍ HẬU NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 1 ĐẾN THÁNG 3 NĂM 2025

2.1. Tóm tắt dự báo khí hậu từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2025

- **Hoạt động của ENSO:** Hiện tại, điều kiện khí quyển và đại dương đang ở trạng thái trung gian nghiêng về pha lạnh. Dự báo ENSO có khả năng duy trì ở trạng thái hiện tại trong mùa ba tháng 1-3 năm 2025.
- **Gió mùa:** Gió mùa mùa hè (GMMH) có khả năng bắt đầu ở mức sớm hơn đến xấp xỉ TBNN.
- **Nhiệt độ:** Trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2025, nhiệt độ xấp xỉ giá trị TBNN cùng thời kỳ ở hầu hết cả nước.
- **Lượng mưa:** Trong mùa 3 tháng 1-3 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ đến thấp hơn TBNN ở Bắc Bộ, xấp xỉ TBNN ở Bắc Trung Bộ; cao hơn TBNN ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.
- **Bão và xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ):** Trong mùa ba tháng 1-3 năm 2025, trên Biển Đông ít có khả năng xuất hiện XTND.
- **Không khí lạnh (KKL):** Trong mùa ba tháng 1-3 năm 2025, số đợt KKL ảnh hưởng đến Việt Nam xấp xỉ so với giá trị TBNN (TBNN: 10-11 đợt). Số ngày rét đậm, rét hại ở mức xấp xỉ TBNN. Đề phòng có khả năng xuất hiện các đợt rét đậm, rét hại kéo dài trong các tháng 1, 2.
- **Điều kiện khô hạn:** Mùa khô 2025 ở Tây Nguyên và Nam Bộ không nghiêm trọng. Khả năng xuất hiện các đợt mưa trái mùa làm giảm bớt điều kiện khô hạn trên khu vực.

2.2. Rủi ro của khí hậu đến trồng trọt và chăn nuôi

a. Tác động đến cây trồng

- **Khô hạn và thiếu nước:** Tháng 1 năm 2025, tình hình khô hạn xảy ra tại khu vực Tây Bắc (Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La), khu vực Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng), và toàn bộ khu vực Nam Bộ; Sang tháng 2 tình hình khô hạn tăng mạnh hơn xảy ra tại khu vực Nam Bộ (nặng nhất là khu vực ĐBSCL) và khu vực Tây Nguyên (Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng); Khu vực Tây Bắc (Sơn La, Lào Cai). Sang tháng 3 tình hình khô hạn vẫn xảy ra, tuy nhiên có phần giảm xuống so với tháng 2 tập chung xảy ra hạn vừa ở khu vực Tây Nguyên, DHNTB, Đông Nam Bộ và khu vực ĐBSCL vẫn sẽ xuất hiện hạn nghiêm trọng. (Hình 7).
- **Rét đậm, rét hại, sương muối:** Vào các tháng chính đông, rét đậm rét hại xảy ra tại các tỉnh Phía Bắc (tập chung ở các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Tuyên Quang, Sơn La, Hòa Bình,..) gây ảnh hưởng tới diện tích mạ mới gieo. Đề phòng xảy ra sương muối ảnh hưởng tới diện tích rau màu

- **Sâu bệnh hại:** Điều kiện thời tiết mùa từ tháng 1-tháng 3 thuận lợi cho một số sâu bệnh hại phát triển như:
 - Cây lúa: (i) Bắc Bộ: Các vụ lúa đã được thu hoạch xong, tuy nhiên các loại dịch hại vẫn tiếp tục tồn tại trên lúa chết, cỏ dại, và các tàn dư sau thu hoạch; (ii) Bắc Trung Bộ: Sâu đục thân hai chấm, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn; (iii) ĐHTB và TN: Sâu đục thân hai chấm, rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh đen lép hạt, bệnh khô vằn; (iv) Nam Bộ: Rầy nâu, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt.
 - Cây ngô: Sâu keo mùa thu, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn, chuột
 - Cây Thanh long: Đốm nâu, thán thư, bệnh nám vàng cành, bệnh thối rễ tóp cành, ốc.
 - Cà phê: Bọ xít muỗi, rệp sáp, rệp vảy, mọt đục thân cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt.
 - Cây hồ tiêu: Bệnh chết chậm, bệnh chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp gốc+ cành,... gây hại cục bộ.
 - Cây điều: Bệnh chết chậm, bệnh chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp gốc+ cành,... gây hại cục bộ.
 - Cây chè: Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ, bệnh thối búp.
 - Cây ăn quả có múi: Bệnh vàng lá thối rễ, bệnh thán thư, ruồi đục quả, nhện đỏ.
 - Cây nhãn, vải: Sâu đo, bọ xít nâu, nhện lông nhung, sâu đục cuống quả, bệnh sương mai, bệnh thán thư.

b. Tác động do thừa (+)/thiếu(-) nước đối với sinh trưởng của cây lúa vùng ĐBSH và ĐBSCL

- Giai đoạn tháng 1 – 3/2025 lượng mưa đều không đáp ứng được nhu cầu nước của cây lúa, đặc biệt là khu vực ĐBSCL (Bảng 4)

c. Nhận định mức độ thuận lợi/bất lợi về mặt khí hậu nông nghiệp đến sinh trưởng cây trồng

Tháng 1 - tháng 3/2025, điều kiện khí hậu nông nghiệp không thực sự thuận lợi cho cây trồng ở các vùng sinh thái nông nghiệp. Điều kiện khí hậu bất lợi xảy ra chủ yếu liên quan đến tình trạng khô hạn, không đáp ứng được nhu cầu nước của cây trồng tại khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và đặc biệt nghiêm trọng tại Nam Bộ, các đợt khô hạn nghiêm trọng kéo dài xảy ra ở khu vực ĐBSCL(Bảng 5).

1. Tác động đến vật nuôi:

Các tỉnh phía Bắc: Các địa phương vùng núi phía Bắc chịu ảnh hưởng do tác động của rét đậm, rét hại ảnh hưởng tới gia súc, gia cầm đặc biệt trong tháng 1 và tháng 2 (Hình 8).

Các tỉnh Miền Trung và Nam Bộ: Tháng 1-3/2025 có nền nhiệt và độ ẩm không khí gây ảnh hưởng tới khả năng tiêu thụ thức ăn của gia súc, gia cầm ở mức nhẹ (Hình 9).

Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 1/2025

Bảng 4. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước đối với cây lúa từ lượng mưa trong mùa tháng 1 - tháng 3/2025

Vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Thừa (+)/thiếu (-) nước (mm) tháng 1/2024 (m ³ /ha)	Thừa (+)/thiếu (-) nước (mm) tháng 2/2024 (m ³ /ha)	Thừa (+)/thiếu (-) nước (mm) tháng 3/2025 (m ³ /ha)	Khuyến cáo
Đồng bằng sông Hồng	Sơn Tây	-21	-275	23	Tháng 1,2: Thiếu hụt nước
	Hà Đông	-26	-253	20	Tháng 1, 2: Thiếu hụt nước
	Hải Dương	-7	-284	108	Tháng 1, 2: Thiếu hụt nước
	Hưng Yên	3	-200	135	Tháng 1, 2: Thiếu hụt nước
	Nam Định	-25	-195	178	Tháng 1, 2: Thiếu hụt nước
	Văn Lý	-27	-157	166	Tháng 1, 2: Thiếu hụt nước
	Nho Quan	-39	-260	94	Tháng 1, 2: Thiếu hụt nước
	Ninh Bình	-1	-198	126	Tháng 1, 2: Thiếu hụt nước
Đồng bằng sông Cửu Long	Mộc Hóa	-1272	-1378	-1115	Tháng 1,2,3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng
	Mỹ Tho	-1234	-1375	-1193	
	Cao Lãnh	-1186	-1275	-1007	
	Càng Long	-1266	-1395	-1134	
	Châu Đốc	-1238	-1303	-980	
	Cần Thơ	-1234	-1368	-1099	
	Sóc Trăng	-1231	-1333	-1113	
	Rạch Giá	-1202	-1340	-921	
	Bạc Liêu	-1296	-1407	-1160	

Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 1/2025

Bảng 5. Thuận lợi/khó khăn về điều kiện khí hậu nông nghiệp đối với sinh trưởng và phát triển của một số cây trồng chính ở các vùng sinh thái nông nghiệp trong tháng 1 – tháng 3 năm 2025

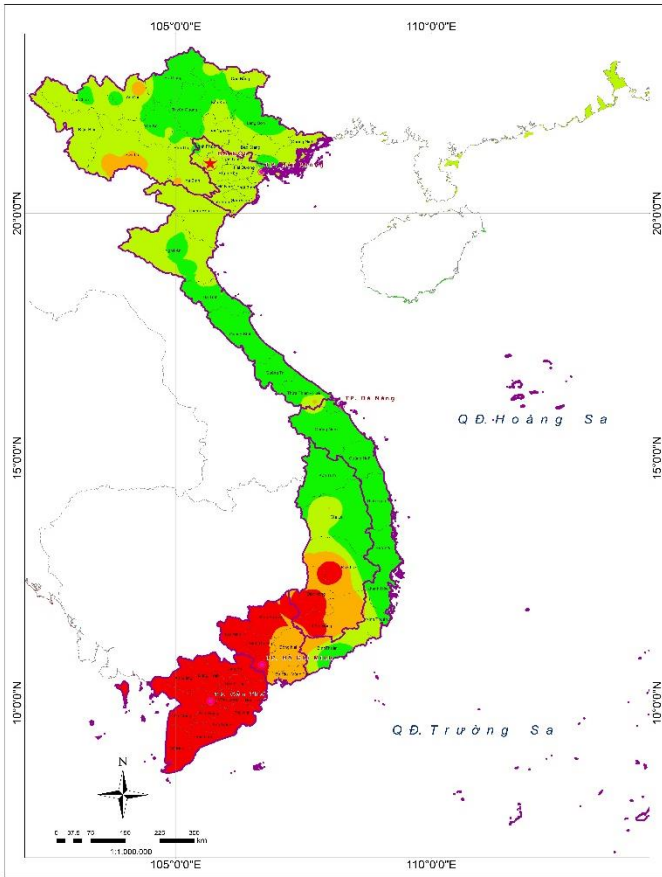
Vùng STNN	Cây trồng	Năm 2025											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Trung du và miền núi phía Bắc	Lúa	ITL	TL	TL									
	Lúa nương												
	Ngô			TL									
Đồng bằng sông Hồng	Lúa	TL	TL	TL									
Bắc Trung Bộ	Lúa	TL	TL	TL									
	Lạc		TL	TL									
Duyên hải Nam Trung Bộ	Lúa	TL	TL	ITL									
	Thanh Long	TL	TL	ITL									
Tây Nguyên	Lúa	ITL	ITL	ITL									
	Cà phê	ITL	ITL	ITL									
Đông Nam Bộ	Lúa	ITL	ITL	ITL									
	Thanh Long	ITL	ITL	ITL									
Đồng bằng sông Cửu Long	Lúa	ITL	ITL	ITL									

Chú giải:

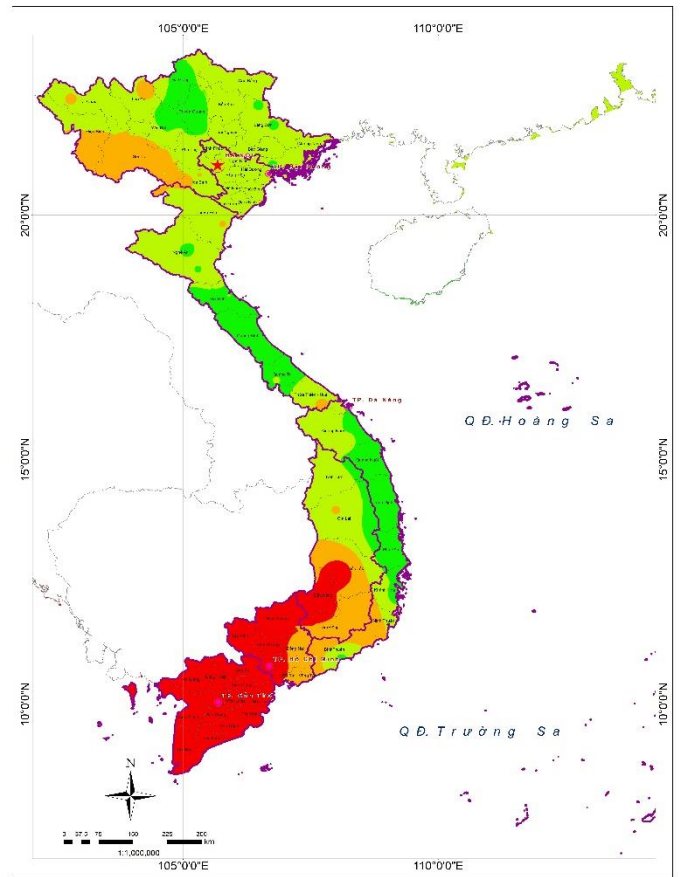
	Thời kỳ không gieo trồng
	Thời kỳ gieo trồng
	Thời kỳ sinh dưỡng
	Thời kỳ sinh thực
	Thời kỳ chín và thu hoạch
	Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch

TL: Thuận lợi cho SXNN
ITL: Ít thuận lợi cho SXNN

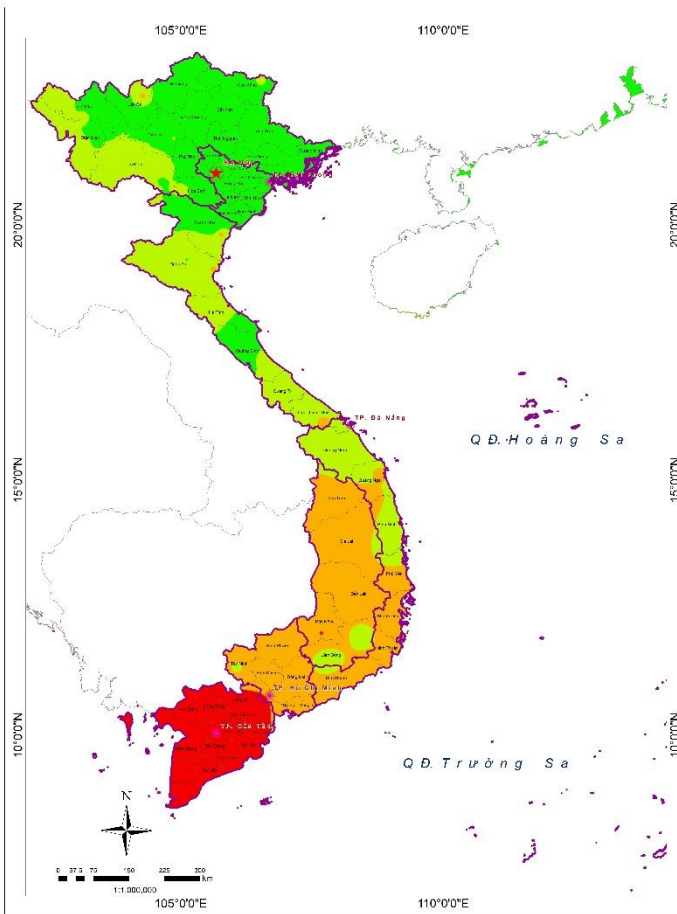
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 1/2025



Tháng 1/2025



Tháng 2/2025

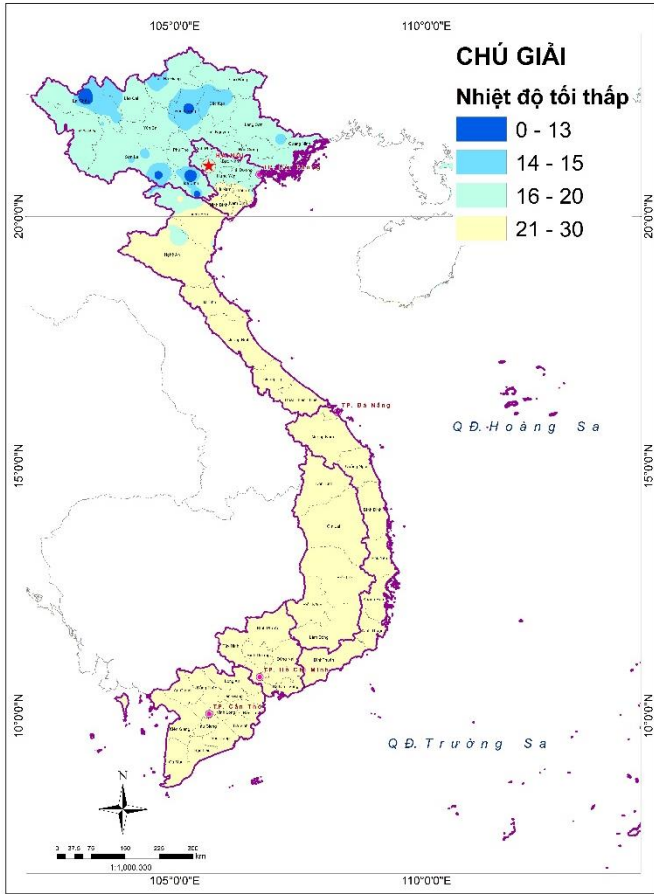


Tháng 3/2025

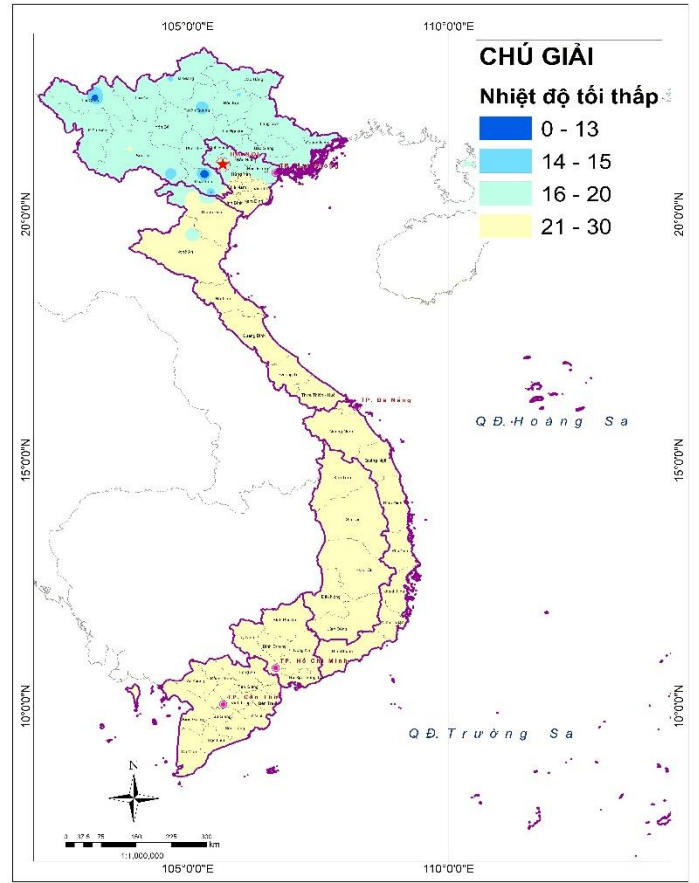


Hình 7. Dự báo nguy cơ khô hạn/thừa ẩm tháng 1-tháng 3/2025

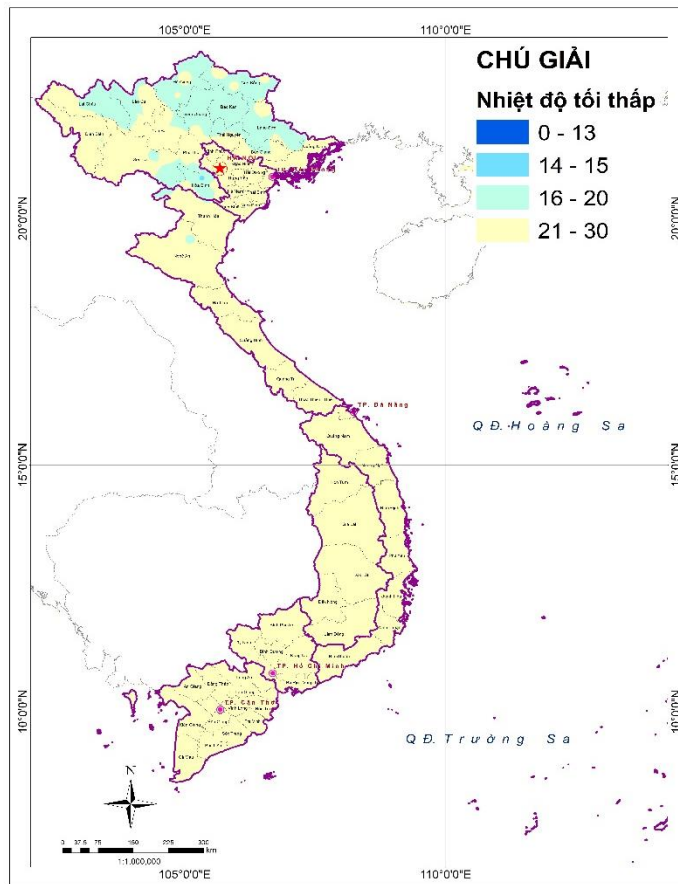
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 1/2025



Tháng 1/2025



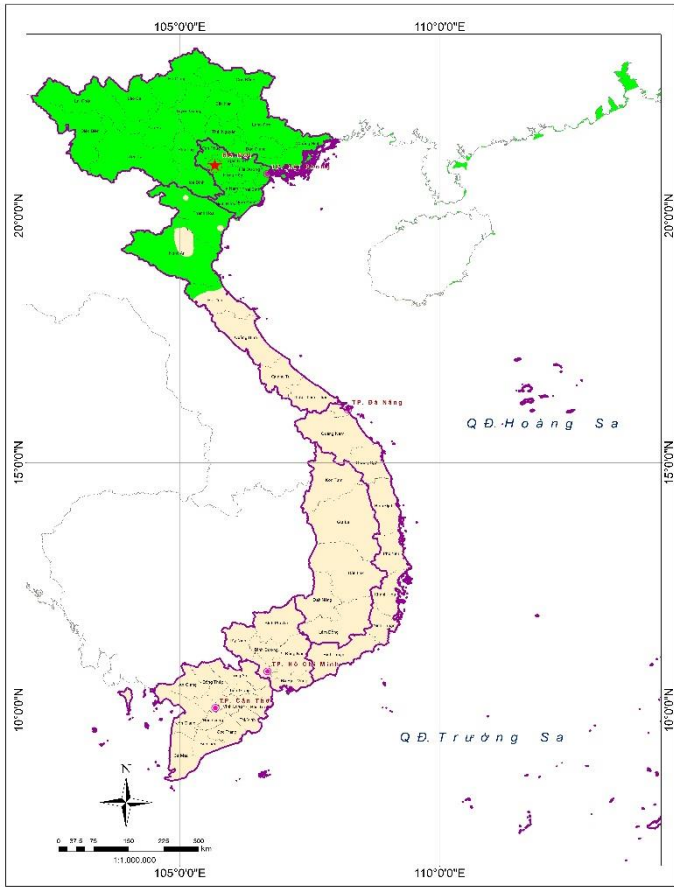
Tháng 2/2025



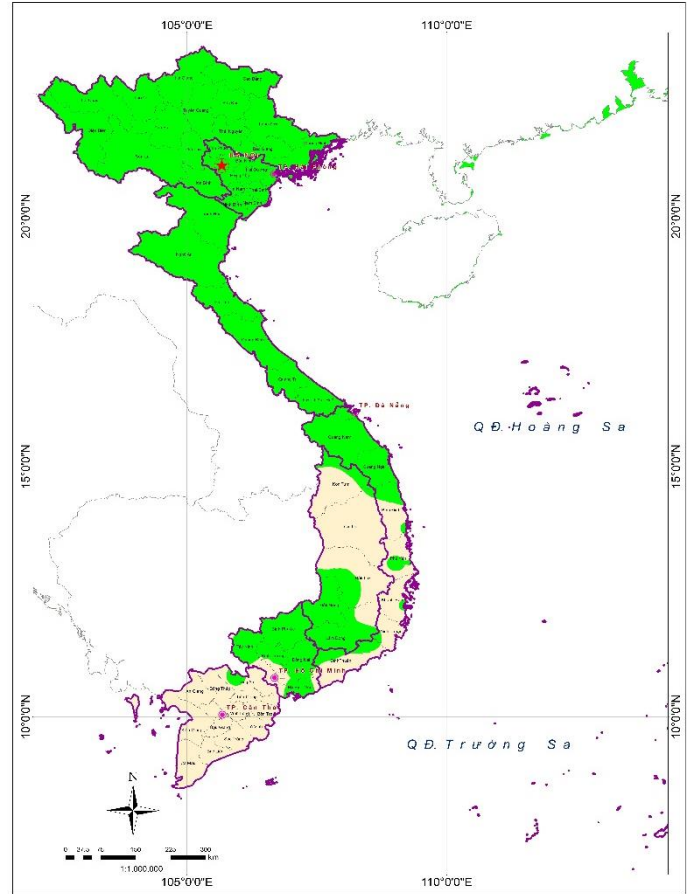
Tháng 3/2025

Hình 8. Dự báo nhiệt độ tối thấp tháng 1-tháng 3/2025

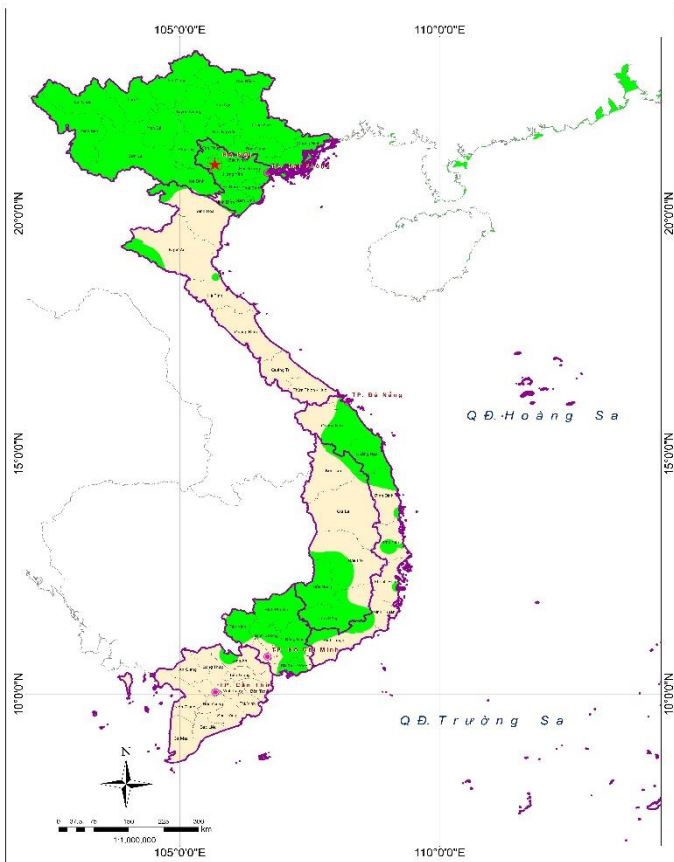
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 1/2025



Tháng 1/2025



Tháng 2/2025



Tháng 3/2025

	72	74	79	84
THI				
Mức độ ảnh hưởng	Bình thường	Báo động	Nguy hiểm	Khẩn cấp
Sức khỏe (nhịp tim/thời)	< 90	90 - 110	110 - 130	>130
Năng suất/sản lượng	- Gia súc: giảm tỷ lệ thụ thai, dễ sinh non, giảm khả năng tiêu thụ thức ăn đối với gia súc - Gia cầm: giảm tỷ lệ tăng trọng đối với gia cầm		sản lượng sữa bò bị ảnh hưởng nghiêm trọng	sản lượng sữa bị tổn thất lớn

Hình 9. Dự báo nguy cơ tác động của nhiệt-ẩm đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi tháng 1-tháng 3/2025

Phần III: KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THÁNG 1 ĐẾN THÁNG 3 NĂM 2025

Thời kỳ tháng 1-tháng 3/2025, là giai đoạn chuyển mùa quan trọng, có tác động lớn đến sản xuất nông nghiệp. Do vậy, cần đề phòng các rủi ro tác động của khí hậu đến sản xuất nông nghiệp:

3.1. Rủi ro tác động của khí hậu đến trồng trọt

- Các đợt không khí lạnh mạnh có thể gây hại cho cây trồng tại các tỉnh phía Bắc nếu nhiệt độ giảm sâu và kéo dài, nhất là với những cây trồng không chịu rét tốt.
- Nguy cơ xảy ra khô hạn ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp tại các khu vực Bắc Bộ, BTB, Tây Nguyên và Nam Bộ.

3.2. Rủi ro tác động của khí hậu đến chăn nuôi

- Điều kiện nhiệt - ẩm ảnh hưởng đến đến khả năng tiêu hóa thức ăn, hô hấp và nhịp tim của vật nuôi ở khu vực miền Trung và Nam Bộ.
- Rét đậm, rét hại xảy ra ảnh hưởng tới các địa phương vùng núi phía Bắc vào các tháng chính đông.

3.3. Khuyến nghị

- Thường xuyên theo dõi các bản tin giám sát, cảnh báo và dự báo khí tượng thủy văn để có các giải pháp ứng phó kịp thời đối với thời tiết bất lợi và thiên tai.

Đối với trồng trọt:

- Tăng cường hệ thống tưới tiết kiệm nước, đặc biệt tại Tây Nguyên, ĐHTB và Nam Bộ.
- Tích trữ nước mưa và khai thác hiệu quả nguồn nước ngầm.
- Tiến hành kiểm tra đồng ruộng thường xuyên, áp dụng biện pháp phòng trừ dịch bệnh sớm.

Đối với chăn nuôi:

- Che chắn chuồng trại và sưởi ấm cho gia súc, gia cầm tại khu vực miền núi phía Bắc.
- Tăng cường chế độ dinh dưỡng để đảm bảo sức khỏe đàn vật nuôi.



LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Địa chỉ email: ktnn407@gmail.com hoặc nguyenson.imh@gmail.com

Số điện thoại: 0914888185.

Phụ trách bản tin:

- ThS. Nguyễn Hồng Sơn, Trưởng phòng Giám sát và Dự báo Khí tượng nông nghiệp.

- TS. Nguyễn Đăng Mậu, Phó Giám đốc điều hành Trung tâm.